

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**thực hiện Kết luận số 26-KL/TW, ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị
về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn
vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2035**

Thực hiện Kết luận số 26-KL/TW, ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2035, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện, như sau:

I- TÌNH HÌNH

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, 9.888,91 km², có đường bờ biển dài trên 200 km, cùng với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, giữ vai trò quan trọng về sản xuất nông nghiệp, an ninh nguồn nước và sinh kế của người dân.

Thời gian qua, công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định đời sống Nhân dân. Hệ thống quy hoạch, hạ tầng thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai từng bước được đầu tư cơ bản; công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý tài nguyên nước, di dời dân cư khỏi khu vực nguy hiểm được tăng cường. Việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm từng bước được quan tâm... và phối hợp liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước ngày càng được quan tâm, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế. Nhận thức của một bộ phận người dân và chính quyền cơ sở về công tác phòng ngừa, ứng phó thiên tai chưa đầy đủ; việc chấp hành quy định về tài nguyên nước, khoáng sản, thủy lợi và bảo vệ hành lang sông, kênh, rạch có nơi chưa nghiêm. Công tác quản lý khai thác nước dưới đất, khai thác cát sông còn khó khăn; chuyển đổi sản xuất thích ứng với điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn còn chậm. Hệ thống hạ tầng thủy

lợi phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn chưa đồng bộ, tính liên kết còn hạn chế; nhiều khu vực sạt lở, sụt lún nguy hiểm chưa được xử lý kịp thời. Công tác dự báo, cảnh báo và huy động nguồn lực cho phòng, chống thiên tai còn gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu là do công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao; tập quán và điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên nước, đô thị và nông thôn còn một số bất cập; việc triển khai các giải pháp phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn có nơi còn thiếu tính tổng thể và đồng bộ. Nguồn lực đầu tư của tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; việc huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư hạ tầng phòng, chống thiên tai còn khó khăn. Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, diễn biến cực đoan của thời tiết cùng với ảnh hưởng từ việc khai thác, sử dụng nguồn nước ở thượng nguồn sông Cửu Long tiếp tục làm gia tăng nguy cơ thiếu nước, xâm nhập mặn, sụt lún, sạt lở và ngập úng trên địa bàn tỉnh.

II- QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 26-KL/TW; xác định công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn theo hướng chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước, đất đai, khoáng sản; kết hợp đồng bộ giữa giải pháp công trình và phi công trình, giữa trước mắt và lâu dài.

- Nội dung phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn phải kịp thời đưa vào quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch khác theo quy định, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng thủy lợi, giao thông, đô thị và chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái của từng khu vực trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, đê điều, phòng, chống sạt lở, ngập úng, công trình kiểm soát mặn, giữ ngọt theo hướng đồng bộ, đa mục tiêu, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời nghiên cứu, triển khai các giải pháp lấn biển hợp lý, xây dựng kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, góp phần bảo vệ dân cư, hạ tầng, mở rộng không gian phát triển của tỉnh.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Chủ động các giải pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, từng bước kiểm soát cơ bản tình trạng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh; góp phần ổn định đời sống Nhân dân, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về sụt lún, sạt lở

- Phần đầu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành xử lý các khu vực sạt lở trọng điểm bờ biển Tây và bờ sông thuộc các tuyến sông chính; đồng thời giải quyết các khu vực trọng điểm tình trạng sụt lún ảnh hưởng đến các tuyến giao thông, khu dân cư dọc các tuyến kênh, rạch; định hướng lấn biển, xây dựng kè chắn sóng tạo quỹ đất với tổng diện tích khu vực nghiên cứu phát triển, xây dựng trên biển 4.500 ha.

- Đến năm 2035, cơ bản hoàn thành xử lý sạt lở bờ biển, bờ sông và các khu vực trọng điểm sụt lún bờ sông kênh, rạch nhằm bảo vệ khu đô thị, hạ tầng và dân cư.

b) Về ngập úng

- Đến năm 2030 từng bước nâng cấp hệ thống đê điều hiện có bảo đảm chống bão, lũ, triều cường theo tần suất thiết kế; gắn với quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến đê sông, đê biển; đến năm 2035 tiếp tục duy trì, nâng cấp.

- Tập trung phòng, chống ngập úng đến năm 2030 cho các khu vực đô thị Rạch Giá, Long Xuyên và các vùng ngập sâu; đến năm 2035 tiếp tục giải quyết đối với khu vực đô thị tập trung và vùng ngập khác.

c) Về hạn hán, xâm nhập mặn

- Đến năm 2030, chủ động kiểm soát, ứng phó hiệu quả tình trạng xâm nhập mặn trong điều kiện tương đương mùa khô năm 2023 - 2024, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân; tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 98%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 89,5%.

- Đến năm 2035, kiểm soát hiệu quả tình trạng xâm nhập mặn ở mức tương đương mùa khô năm 2015 - 2016, nâng cao chất lượng sử dụng nước sạch, từng bước nâng cao khả năng thích ứng, bảo đảm an ninh nguồn nước trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Tăng cường quán triệt quan điểm “chủ động thích ứng” với biến đổi khí hậu, tôn trọng quy luật của tự nhiên, nhận diện đúng bản chất, nguyên nhân của các hiện tượng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh để có giải pháp xử lý căn cơ từ gốc, với lộ trình cụ thể, bảo đảm tính tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu, kết hợp hài hòa giải pháp công trình và phi công trình; lấy đời sống người dân làm thước đo quan trọng nhất, lấy phát triển sản xuất, kinh tế - xã hội làm trọng tâm, lấy giữ vững môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh làm nguyên tắc nền tảng.

2. Tập trung triển khai thực hiện tốt các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn và lấn biển trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và kế hoạch thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển chung bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong năm 2027, hoàn thành việc rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng và văn bản hướng dẫn thi hành trong các lĩnh vực: Tài nguyên nước, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đất đai, lâm nghiệp, xây dựng, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn. Xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương; ứng dụng mô hình nông - thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi giống, phương thức canh tác nuôi trồng thủy sản, cây trồng ít sử dụng nước, phù hợp với các vùng sinh thái, nâng cao hiệu quả sản xuất; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng ngập mặn gắn với quản lý, khai thác tín chỉ carbon và các nguồn lợi từ rừng. Rà soát, hoàn thiện và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đa mục tiêu trên địa bàn tỉnh theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm lồng ghép yêu cầu phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán và xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước lưu vực sông, hệ thống thủy lợi, đê điều và chống ngập đô thị. Xây dựng, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo từng mùa vụ, từng khu vực; chủ động trữ nước tại các kênh, rạch, hồ tự nhiên, trữ nước lũ ở vùng ngập

sâu, có các phương án, giải pháp sử dụng nguồn nước, thu trữ nước để ứng phó với hạn mặn.

Nghiên cứu, đề xuất đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình kiểm soát mặn, giữ ngọt, điều tiết nguồn nước tại các khu vực ven biển, cửa sông và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn; đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và công trình cấp nước sinh hoạt cho người dân; Hoàn thiện các hạ tầng thiết yếu, thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng thông qua các đề án, dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất; tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững; tập trung xử lý các điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm trên sông Tiền và sông Hậu, nhất là các khu vực uy hiếp trực tiếp khu dân cư, công trình hạ tầng trọng yếu và các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Áp dụng đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình về phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, tại các khu vực xói lở nghiêm trọng, đặc biệt khu vực An Minh, An Biên; chủ động đầu tư các cụm, tuyến dân cư phòng tránh thiên tai và sắp xếp, di dời dân cư ven sông, kênh, rạch, khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sạt lở.

Quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng nhà ở, công trình, khai thác cát lòng sông, nước ngầm và các hoạt động khác có nguy cơ làm gia tăng sụt lún, sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn.

4. Rà soát, đánh giá hiệu quả, tác động của các công trình, cơ sở hạ tầng đã đầu tư liên quan đến sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; ưu tiên đầu tư cho các dự án có tính tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu, thích ứng thông minh, ứng dụng khoa học - công nghệ; đầu tư phát triển đô thị theo mô hình xanh, thông minh, đặc thù sông nước, cải tạo hệ thống hạ tầng chống ngập đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; các dự án cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân ở những vùng có nguy cơ sụt lún, sạt lở cao; khắc phục những hạn chế, kịp thời điều chỉnh các dự án, công trình còn bất cập.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cao, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong quản lý, dự báo, cảnh báo, giám sát, hỗ trợ điều tra, đánh giá tác động, xây dựng cơ chế, chính sách, ra quyết định đầu tư, điều tiết theo thời gian thực các công trình phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, liên thông, dùng chung; hoàn thiện cập nhật, cung cấp, chia sẻ dữ liệu về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn giữa các sở, ngành, địa phương với các bộ, ngành. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị, công nghệ, mô hình dự báo để nâng cao độ tin cậy cảnh báo sớm.

Nghiên cứu sử dụng vật liệu tái chế, thân thiện môi trường, thay thế cát lòng sông. Nghiên cứu mở rộng áp dụng các giải pháp phi công trình; nhân rộng những

giải pháp, cách làm hay trong khắc phục sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh.

Đầu tư nghiên cứu, ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản, phương thức canh tác, nuôi trồng hiện đại, phù hợp điều kiện tự nhiên, tiết kiệm nguồn nước và các vật tư đầu vào, nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm phát thải.

6. Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; chủ động tham gia các chương trình, cơ chế hợp tác quốc tế song phương, đa phương, hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước xuyên biên giới và phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện của tỉnh.

7. Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về nguồn nước, hệ thống công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai tập trung theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất đầu mối quản lý. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thu hút, hình thành đội ngũ chuyên gia chuyên sâu.

Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài) cho nhiệm vụ phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, tuyệt đối không để xảy ra lãng phí, tiêu cực.

Triển khai, thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, công trình cấp nước sinh hoạt cho người dân, các dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất; trồng, khôi phục rừng ngập mặn ven biển; xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; khai thác hiệu quả các nguồn lực bổ sung như bán tín chỉ carbon và các nguồn lực hợp pháp khác.

Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tài chính gắn với trách nhiệm giải trình nhằm nâng cao năng lực ứng phó tại chỗ của bộ máy hành chính của xã, phường, đặc khu. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công trung hạn và thu hút nguồn vốn xã hội hóa (PPP) cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp nước sinh hoạt cho người dân, các dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất, công trình đê điều, thủy lợi vùng sông, biển thích ứng bền vững với biến đổi khí hậu.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của chính quyền địa phương, các tổ chức và người dân đối với các quy định pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ rừng, quy hoạch đất đai, xây dựng, phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng ủy Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến các hoạt động phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh. Tăng cường công tác giám sát việc tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động này.

4. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng các kế hoạch, đề án cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ tổng kết, sơ kết báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Ban Chính sách, Chiến lược TW (để b/c);
- Các đ/c ban đảng TW phụ trách địa bàn;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các cơ quan TMGV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- ĐUVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, ĐT cấp tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy,
- LeQuocKhanh.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lâm Minh Thành